

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2026.

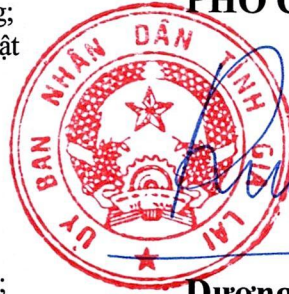
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai;

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP, N6. *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



h
Dương Mah Tiệp



QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 74 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Đối với các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý, khai thác.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp, quản lý

1. Bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc quy định về phân cấp của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

2. Căn cứ vào quy mô, nhiệm vụ, mức độ phức tạp về kỹ thuật và tầm quan trọng của công trình để phân cấp, quản lý; phân định rõ trách nhiệm giữa chức năng quản lý nhà nước và hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình theo quy định.

4. Đảm bảo an toàn công trình thủy lợi và phát huy hiệu quả khai thác đa mục tiêu các công trình thủy lợi trong đó có cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chủ sở hữu công trình thủy lợi là Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) theo phân cấp.

2. Chủ quản lý công trình thủy lợi: Cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh; cấp xã là cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã.

3. Chủ thể khai thác công trình thủy lợi: Doanh nghiệp, Đơn vị sự nghiệp công lập, Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh là các công trình thủy lợi lớn; các hồ chứa vừa, nhỏ có dung tích toàn bộ từ 1.000.000 m³ trở lên hoặc có diện tích tưới (thiết kế hoặc thực tế) từ 100 ha/vụ trở lên; các công trình thủy lợi vừa, nhỏ do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quản lý tính đến ngày 30/6/2025; đối với kênh tưới thì phạm vi quản lý tính từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình thủy lợi đầu mối (việc xác định quy mô, vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thực hiện theo Điều 6 của Quy định này).

2. Công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã là các công trình thủy lợi không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức, cá nhân tự đầu tư công trình thủy lợi thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý.

Điều 5. Phân cấp khai thác công trình thủy lợi

1. Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai khai thác các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, trừ các hồ chứa do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Trung tâm Giống nông nghiệp đang khai thác.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hiện quản lý hồ chứa nước Đăk Sơ Mei tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khai thác hồ chứa nước này.

3. Trung tâm Giống nông nghiệp hiện khai thác các hồ Hóc Lách (xã Phù Mỹ Bắc), hồ Đồng Đèo 2 (xã Phù Mỹ Bắc), tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nuôi trồng thủy sản.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc xã, Tổ chức thủy lợi cơ sở khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

(Chi tiết có Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII ban hành kèm theo Quy định này)

5. Công trình thủy lợi xây dựng mới bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 6. Điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân khai thác công trình với tổ chức thủy lợi cơ sở là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy mô thủy lợi nội đồng quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế hoặc theo thực tế của khu vực tưới, tiêu; đối với xã miền núi nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha (việc xác định các xã miền núi thực hiện theo quy định của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); đối với xã, phường còn lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 ha.

3. Trường hợp không xác định được vị trí cụ thể thì tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thỏa thuận điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Trường hợp không tự thỏa thuận được điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi có văn bản báo cáo Chủ quản lý công trình thủy lợi để được xem xét, giải quyết.

Điều 7. Thẩm quyền phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục các công trình thủy lợi phân cấp quản lý cho các tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc xã hoặc tổ chức thủy lợi cơ sở.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển cấp quản lý công trình thủy lợi.

Điều 8. Tổ chức và phương thức khai thác công trình thủy lợi

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải bảo đảm về năng lực theo quy định tại Chương III, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Cơ quan được phân cấp quản lý công trình thủy lợi quyết định phương thức khai thác công trình thủy lợi như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu hoặc theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã có trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân xã quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy lợi

1. Thẩm quyền phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thủy lợi

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Thẩm quyền phê duyệt Quy trình vận hành công trình thủy lợi

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai Quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Thẩm quyền phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

4. Thẩm quyền phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

5. Thẩm quyền cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp mới, cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép, cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp mới, cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép, cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan và nhiệm vụ liên quan khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Triển khai thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã tại Quy định này.

2. Tổ chức thực hiện quyền và trách nhiệm chủ sở hữu, chủ quản lý công trình thủy lợi theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi theo quy định pháp luật về thủy lợi và các nhiệm vụ liên quan khác được cấp thẩm quyền giao.

4. Thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự tại các cơ quan hợp lý trong tổng số biên chế được giao, củng cố năng lực của đơn vị trực thuộc để đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác công trình thủy lợi được phân cấp quản lý theo quy định.

Điều 12. Các cơ quan, đơn vị được giao khai thác công trình thủy lợi

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý công trình thủy lợi theo quy định pháp luật về thủy lợi; quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của đơn vị khai thác công trình thủy lợi trong công tác quản lý, khai thác vận hành công trình để đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất và đảm bảo an toàn công trình.

3. Có trách nhiệm tiếp nhận, khai thác, bảo vệ tài sản, kết cấu hạ tầng thủy lợi bảo đảm an toàn và phát huy hiệu quả.

4. Thực hiện việc xác định các điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.